

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29/7/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Phan và ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký TAND huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Hằng N**, sinh năm 1996;

ĐKHKTT: thôn Thanh Kỳ, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở : thôn Kim Đôi, xã Ngọc Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 1996;

ĐKHKTT: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương;

- Người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1966.

Trú tại: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương;

+ Ông **Đào Văn C**, sinh năm 1966;

Chỗ ở : thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương

Chị N đề nghị giải quyết vắng mặt, anh H, ông U, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Đào Thị Hằng N trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T ngày 27/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ chồng đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau

trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh H đi làm tự do, lúc ở TP H, lúc ở TP Hải Phòng, lúc về xã V làm môi giới nhà đất nhưng mãi chơi, không quan tâm gì đến vợ con, do làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều người đến đòi nợ. Sau khi bố mẹ anh H trả nợ thì anh H mới dám về nhà một thời gian rồi lại đi làm, chị đã khuyên bảo anh H nhiều nhưng anh ấy không nghe, còn hay ghen tuông, đánh đuổi mẹ con chị. Từ đầu năm 2024, chị đã đưa con về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/3/2018. Do anh H không có nhà, cháu M đã ở với chị có cuộc sống ổn định. Vì vậy, chị xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo tháng. Hiện chị làm công nhân, mức thu nhập khoảng 09 triệu đồng/tháng và đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, có chỗ ở rộng rãi, đủ để mẹ con chị sinh sống.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và nhiều lần triệu tập anh H đến làm việc, tham gia hòa giải thông qua đại diện gia đình là bố anh H, nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

+ Kết quả làm việc với ông Nguyễn Văn U (bố anh H) xác định: Anh H, chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với vợ chồng ông một thời gian thì anh H thuê nhà đi làm ở nhiều nơi như TP H, TP Hải Phòng chỉ thỉnh thoảng mới về. Đến năm 2022 do làm ăn thua lỗ, không dám về nhà, ông bà đã phải đứng ra trả nợ cho anh H. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh H đi làm nhưng thỉnh thoảng mới gửi tiền về cho chị N, còn lại chủ yếu do chị N gánh vác, anh chị có nhiều cãi vã, to tiếng đánh nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng chỉ được một thời gian lại tiếp tục mâu thuẫn. Đầu năm 2014, vợ chồng mâu thuẫn, chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Vừa qua, khi Tòa án giao các văn bản tố tụng, thông qua mạng xã hội ông có thông báo cho anh H biết về việc chị N xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, tuy nhiên anh H không có ý kiến gì và có nhờ ông nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án. Là bậc cha mẹ ai cũng muốn các con mình hạnh phúc, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị ấy đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh chị có một con chung như chị N đã trình bày, hiện cháu đang ở với chị N, được chăm sóc tốt. Trường hợp anh chị ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

+ Kết quả làm việc với ông Đào Văn C (bố chị N) xác định: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh chị như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng, một thời gian sau, anh H đi làm, thuê nhà ở nhiều nơi như TP H, TP Hải Phòng chỉ thỉnh thoảng mới về. Quá trình chung sống,

anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh H đi làm nhưng ít khi về nhà và ít chăm lo cho vợ con, về kinh tế chủ yếu do chị N gánh vác, bên cạnh đó anh H hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, to tiếng thậm chí đánh nhau. Đầu năm 2014, chị N đưa con về nhà ông bà sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ấy để mỗi người có điều kiện tạo dựng cuộc sống mới. Anh chị có một con chung như chị N đã trình bày, hiện cháu đang ở với chị N, được chăm sóc tốt. Trường hợp anh chị ly hôn, Tòa án giao con cho chị N nuôi dưỡng, ông bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chi N nuôi con với những điều kiện tốt.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã A, trưởng thôn T đều cung cấp: Anh H, chị N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương cùng với bố mẹ anh H, được một thời gian thì anh H đi thuê nhà làm ăn trên TP H và TP Hải Phòng, thỉnh thoảng anh H mới về nhà, còn chị N vẫn ở nhà bố mẹ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, ngoài ra còn mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Do anh H làm ăn thua lỗ, nhiều người đến đòi nợ, bố mẹ anh H phải đứng ra trả nợ. Từ đầu năm 2024, chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ, anh H ít khi về nhà mà đi làm ăn, còn anh ấy làm gì, ở đâu, địa phương không nắm được. Hiện anh H vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa cắt, chuyển khẩu đi nơi khác. Nay, chị N xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Vợ chồng có 01 con chung như chị N đã trình bày, hiện đang ở với mẹ. Đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024, Cục Q của Bộ C1 xác nhận anh Nguyễn Văn H không có thông tin cấp hộ chiếu và không xuất cảnh.

Tại phiên tòa, chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị Đào Thị Hằng N được ly hôn anh Nguyễn Văn H1; Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Hằng N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/3/2018 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Buộc anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N theo tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 8/2024 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài

sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Đào Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị Hằng N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Đào Thị Hằng N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T ngày 27/9/2017 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Theo chị N trình bày, anh H mãi chơi, không quan tâm, chăm sóc gia đình, cộng với việc hay ghen tuông, làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nhiều, nhiều người đòi nợ từ đó mà vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh H đánh đuổi chị. Lời khai của chị N phù hợp với lời khai của ông U (bố đẻ anh H) và ông C (bố đẻ chị N) và cung cấp của chính quyền xã A, trưởng thôn T. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đầu năm 2024 đến nay, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định anh H2 hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện đi làm ăn tự do, không xuất cảnh. Chị N đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã A xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi anh H đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị N biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị N trong việc ly hôn. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, mặc dù anh H biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng anh H cũng không về Tòa án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản tố tụng đã được Tòa án giao cho người thân và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh H

là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/3/2018. Xét quan điểm của chị N xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con theo tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng thấy rằng: Từ trước đến nay, cháu M chủ yếu ở với mẹ do chị N trực tiếp chăm sóc, có cuộc sống học tập ổn định, phát triển tốt. Hiện chị N làm công nhân, có thu nhập khoảng 9 triệu đồng/tháng, đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, có phòng riêng đủ để mẹ con sinh hoạt, đủ điều kiện nuôi con, anh H không có mặt tại địa phương. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/3/2018 cho chị N nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật HNGĐ quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, mức cấp dưỡng tối thiểu ít nhất bằng 1/2 tháng lương cơ bản, bản thân anh H hiện nay làm nghề tự do, có thu nhập, mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là ở mức tối thiểu, đảm bảo các chi phí thiết yếu cho con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị N mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 08/2024 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đào Thị Hằng N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Hằng N được ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về con chung: Giao cho Đào Thị Hằng N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/3/2018 cho đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Buộc anh Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị N theo tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 08/2024 cho đến khi

con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc hai bên có thỏa thuận khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh H thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì anh H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Đào Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, theo biên lai số BLTU/23/0004794 ngày 31/01/2024. Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân